

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VINH LỘC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH THANH HÓA Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST

Ngày 11 /9 /2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VINH LỘC, TỈNH THANH HÓA

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tường Vân

Bà Mai Thị Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Tư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thuý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 9 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2024/QĐST – HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị T1 - sinh năm: 1995

Trú quán: Thôn 8, xã H, huyện V, tỉnh T.

Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn T - sinh năm 1990;

Trú quán: Thôn 8, xã H, huyện V, tỉnh T.

Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/5/2024, bản tự khai ngày 31/5/2024 và quá trình làm việc tại Tòa án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị T1 trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị T1 và anh Hoàng Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện V, tỉnh T vào ngày 13/11/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: Do vợ chồng thường xuyên

bất đồng quan điểm trong cuộc sống cũng như trong công việc làm ăn. Từ năm 2021 đến nay vợ chồng chị đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai nữa. Nay chị T1 xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không có, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau nữa nên chị T1 đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hoàng Văn T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là: Hoàng Lê Tấn Đ - sinh ngày 27/3/2015 (giới tính: Nam) và Hoàng Lê Hà A – sinh ngày 18/7/2016 (giới tính: Nữ). Từ khi vợ chồng sống ly thân nhau đến nay cháu Đ ở cùng với anh T và ông bà nội, cháu Hà A ở cùng chị T1 và ông bà ngoại đều tại thôn 8, xã H, huyện V. Anh T đi lái xe đường dài nhưng vẫn thường xuyên về nhà. Vì hai người ở cùng thôn gần nhà nhau nên cả hai vẫn yêu thương, chăm sóc các con chu đáo. Cuộc sống của các con đang ổn định, các con phát triển bình thường về thể lực và trí lực. Để không làm xáo trộn cuộc sống của các con cũng như để san sẻ gánh nặng cho nhau nên khi ly hôn chị T1 đề nghị giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ, chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà A đến khi các con đủ tuổi thành niên. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Vì, hiện nay chị T1 làm công nhân tại công ty may nên công việc và thu nhập ổn định, mức thu nhập của chị trung bình 7.000.000 đồng/tháng. Anh T làm lái xe, công việc và thu nhập cũng ổn định, vì vợ chồng sống ly thân đã lâu nên hiện nay chị T1 không nắm được thu nhập của anh T cụ thể như thế nào.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Hoàng Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do, không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ kèm theo nên Tòa án không thu thập được nguyện vọng của anh Hoàng Văn T.

Biên bản xác minh ngày 25/6/2024 tại UBND xã H, huyện V, tỉnh T nơi anh T và chị T1 cư trú chính quyền địa phương cho biết: Chị Lê Thị T1 và anh Hoàng Văn T có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện V, tỉnh T vào ngày 13/11/2014. Sau khi kết hôn chị T1 về nhà anh T sinh sống cùng với anh T và bố, mẹ chồng. Từ năm 2021, chị T1 về nhà bố mẹ đẻ để ở từ đó cho đến nay. Chính quyền địa phương cũng không nắm được nguyên nhân vợ chồng chị T1, anh T mâu thuẫn là gì, chỉ nghe làng xóm phản ánh vợ chồng chị T1, anh T cũng hay cãi vã lẫn nhau vì thế chị T1 đã về nhà bố mẹ đẻ để ở. Vợ chồng chị Lê Thị T1 và anh Hoàng Văn T có 02 con chung tên là: Hoàng Lê Tấn Đ - sinh ngày 27/3/2015 (giới tính: Nam) và Hoàng Lê Hà A – sinh ngày 18/7/2016 (giới tính: Nữ). Từ khi vợ chồng chị T1, anh T ly thân cháu Đ vẫn ở cùng ông, bà nội và bố còn cháu Hà A đi theo mẹ. Tuy nhiên vì ở cùng làng, hai nhà nội ngoại gần nhau nên các cháu vẫn qua lại cả hai nhà. Về điều kiện kinh tế: chị T1 làm công nhân nên công việc và thu nhập ổn định. Anh T làm nghề lái xe đường dài, nên anh T không thường xuyên có mặt tại địa phương, công

việc của anh T cũng ổn định. Nhưng chính quyền địa phương không nắm được thu nhập cụ thể của vợ chồng chị T1, anh T. Anh T, chị T1 không có nhà đất tại xã H. Hiện nay, anh T và cháu Đ ở cùng với bố mẹ đẻ của anh T tại nhà của ông bà, chị T1 và cháu Hà A ở cùng với bố mẹ đẻ của chị T1 tại nhà của ông bà. Về đạo đức, lối sống: Quá trình sinh sống tại địa phương xã H chị T1 và anh T có đạo đức tốt, chấp hành tốt các quy định của nơi cư trú, không vi phạm pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị T1 cung cấp 03 bảng lương để chứng minh thu nhập bình quân của chị T1 hơn 7.000.000đồng/tháng.

Tại phiên tòa chị Lê Thị T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay, thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn của mình và tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã tuân theo đúng quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do.

- Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ cũng như tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị T1, xử cho chị Lê Thị T1 được ly hôn anh Hoàng Văn T.

Giao con chung là Hoàng Lê Hà A – sinh ngày 18/7/2016 (giới tính: Nữ) cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là Hoàng Lê Tấn Đ – sinh ngày 27/3/2015 (giới tính: Nam) cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

-Về án phí: Chị Lê Thị T1 phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lê Thị T1 có đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với anh Hoàng Văn T có hộ khẩu thường trú tại xã H, huyện V, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Anh Hoàng Văn T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn cố tình không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Các thủ tục đã được tiến hành đảm bảo theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự chứng tỏ anh Hoàng Văn T cố tình trốn trách nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị T1 và anh Hoàng Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh T vào ngày 13/11/2014. Xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị T1 và anh Hoàng Văn T là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nhất từ năm 2021, chị T1 đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Chị Lê Thị T1 xét thấy đến nay tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn nữa nên đề nghị được giải quyết ly hôn anh T. Quá trình giải quyết vụ án anh T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không đến Tòa án làm việc để trình bày quan điểm cũng như tham gia các phiên hòa giải, điều đó thể hiện anh T không quan tâm đến việc Tòa án đang giải quyết vụ án, không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cuộc sống hôn nhân giữa chị Lê Thị T1 và anh Hoàng Văn T đã thực sự tan vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Lê Thị T1 được ly hôn anh Hoàng Văn T là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị T1 và anh Hoàng Văn T có 02 con chung tên là Hoàng Lê Tấn Đ - sinh ngày 27/3/2015 (giới tính: Nam) và Hoàng Lê Hà A – sinh ngày 18/7/2016 (giới tính: Nữ). Từ khi vợ chồng sống ly thân nhau đến nay cháu Đ ở cùng với anh T và ông bà nội, cháu Hà A ở cùng chị T1 và ông bà ngoại đều tại thôn 8, xã H, huyện V. Khi ly hôn chị T1 có yêu cầu và theo nguyện vọng của các con là giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Hoàng Lê Tấn Đ, giao cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Hoàng Lê Hà A. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án không thu thập được nguyện vọng của anh T. Tuy nhiên xét điều kiện, hoàn cảnh để đảm bảo cuộc sống sinh hoạt và phát triển cho các cháu bé, thấy rằng: Chị T1 và anh T đều có công ăn việc làm, có thu nhập ổn định. Hiện tại cháu Đ đang được anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; cháu Hà A đang được chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, cuộc sống sinh hoạt và học tập của các cháu đang ổn định. Các cháu phát triển tốt về thể chất cũng như tinh thần. Cháu Đ có nguyện vọng được ở với bố, cháu Hà A có nguyện vọng được ở với mẹ. Nguyện vọng của chị T1 và của các con là hoàn toàn chính

đáng. Để không làm xáo trộn cuộc sống sinh hoạt, không gây ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển bình thường của các cháu bé về mọi mặt, cũng như để san sẻ bớt gánh nặng cho chị T1, anh T và đảm bảo cuộc sống tốt nhất cho các con. Do đó, giao cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Lê Hà A, giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Lê Tấn Đ. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau là có căn cứ, phù hợp với quy định tại điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị Lê Thị T1, anh Hoàng Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cấm, cản trở và anh, chị có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại điều 82 và điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Lê Thị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị T1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 5, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị T1 được ly hôn anh Hoàng Văn T.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung là Hoàng Lê Hà A – sinh ngày 18/7/2016 (giới tính: Nữ) cho chị Lê Thị T1 trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là Hoàng Lê Tấn Đ – sinh ngày 27/3/2015 (giới tính: Nam) cho anh Hoàng Văn T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

2.2. Chị Lê Thị T1 và anh Hoàng Văn T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

2.3. Chị Lê Thị T1 và anh Hoàng Văn T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cấm, cản trở anh, chị thực hiện quyền này và anh, chị có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Lê Thị T1 phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng chị T1 đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006099 ngày 10/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Chị T1 đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Hoàng Văn T không phải nộp tiền án phí HNGĐ sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Chị Lê Thị T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Hoàng Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Lộc;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Lộc;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hương Giang